

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HS-PT
Ngày 07-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Loan, bà Đỗ Thị Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 29/2023/TLPT-HS ngày 18/10/2023 do có kháng cáo của bị cáo Trần Quang T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Quang T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30/01/1990, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang H, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Phan Thị H1, sinh năm 1997; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 14/6/2021, bị UBND xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ, cất giấu dao nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng" bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng (đã chấp hành xong); bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/3/2023; có mặt.

Ngoài ra, còn có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng 09 giờ 30 phút đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/03/2023, tại thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Bị cáo Trần Quang T đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép ma túy (heroine), thu lợi số tiền 800.000 đồng. Lần 1: bán 01 gói ma túy (heroine) cho Lý Đức C (cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang) với số tiền 500.000 đồng; lần 2: Bán 01 gói ma túy (heroine) cho Vàng Thị V (cư trú: Thôn T, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang) với số tiền 300.000 đồng. Khi khám xét nơi ở của bị cáo Trần Quang T, Công an thành phố H còn thu giữ được 1,900 gam ma túy (heroine) mục đích tàng trữ để bị cáo sử dụng.

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: Khoảng 13 giờ, ngày 23/3/2023 do có nhu cầu mua ma túy Heroine để sử dụng, nên bị cáo đi bộ từ nhà ra ngã tư chợ phường N, thành phố H thuê xe ôm của một người đàn ông khoảng 40 tuổi (*không biết tên tuổi, địa chỉ*) đi đến xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng với mục đích đi mua ma túy. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày bị cáo đến nơi, bị cáo đi bộ một mình quanh khu vực trung tâm xã T để tìm người bán ma túy, bị cáo gặp một người đàn ông khoảng 30 tuổi (*vì bị cáo là người nghiện ma túy nên biết được người gặp cũng là người nghiện ma túy*), sau đó bị cáo đặt vấn đề muốn mua một triệu đồng ma túy Heroine. Người đàn ông đó đồng ý và bảo bị cáo đứng đợi, được khoảng 10 phút thì quay lại và đưa cho bị cáo một túi nilon màu xanh, bên trong là ma túy loại Heroine, sau khi kiểm tra xác định đúng là Heroine, bị cáo đưa trả cho người đó 1.000.000 đồng. Sau đó bị cáo cất gói ma túy vào túi quần bên phải rồi thuê xe ôm đi về thành phố H. Khi về đến nhà bị cáo mở gói ma túy ra kiểm tra, rồi bị cáo lấy một phần ma túy trong gói ma túy vừa mua để ra ngoài trên mặt kết sắt trong phòng ngủ, phần còn lại bị cáo gói lại cho vào trong 01 chiếc hộp hình tròn (*hộp đựng nhẫn*) và cất ở trong ngăn thứ nhất để quần áo của bàn trang điểm trong buồng ngủ của bị cáo, chính là số ma túy cơ quan Công an thu giữ được.

Bị cáo T khai không bán ma túy mà chỉ 02 lần đưa ma túy cho những người nghiện, cụ thể: Do quen biết Lý Đức C là người nghiện ma túy, nên khi C đến nhà gặp bị cáo vào ngày 24/3/2023, hai bên không nói gì bị cáo hiểu ý C muốn lấy ma túy. Sau đó C đi xuống bếp đứng đợi còn bị cáo đi vào buồng lấy 1 gói ma túy đưa cho C, sau đó bị cáo lại đi vào buồng khi quay ra thấy có số tiền 500.000 đồng để ở bếp ga nên bị cáo cầm số tiền đó cất vào buồng ngủ của bị cáo. Lần thứ 02, cùng ngày 24/3/2023 khi thấy N (*là bạn chơi cùng nhau từ trước nên biết N là người nghiện ma túy*) đến nhà gặp bị cáo, bị cáo có đưa cho N 01 gói ma túy Heroine, không lấy tiền của N. Số ma túy bị cáo đưa cho C và N được lấy từ số ma túy bị cáo đi mua tại Cao Bằng ngày 23/3/2023.

Lời khai của Lý Đức C: Vào khoảng 19 giờ ngày 23/3/2023 C sử dụng điện thoại có số thuê bao 0392972209 gọi đến số điện thoại di động của T có số thuê bao 0347994338 với mục đích đề hỏi mua ma túy heroine, C hỏi T "Anh còn không để sáng mai em xuống lấy", T trả lời "Xuống nhà anh lấy cho".

Khoảng gần 09 giờ ngày 24/3/2023, C bắt xe khách đi từ nhà ở xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang xuống đến ngã ba cầu 03/2 bên phía phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, rồi đi bộ một mình đến nhà bị cáo T tại thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Đến nơi C đi vào gặp H1 (vợ T) ở sân và hỏi "Có anh T ở nhà không?", H1 trả lời "Anh T có nhà cứ vào mà gọi, C đến cửa buồng ngủ của T rồi gõ cửa, T ở trong nói vọng ra "ai đấy", C trả lời "em C đây", T nói "chờ tao tí!". Nghe vậy, C đi xuống gian bếp nhà T đứng chờ, T đi xuống bếp gặp C, C đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, T hiểu ý là C mua ma túy nên cầm tiền và quay lại vào trong buồng. Khi C đứng chờ lấy ma túy thì nhìn thấy T1 đang nằm ngủ trên giường tại phòng bếp nhà T. Khoảng 3 phút sau thì T đi ra đưa cho C 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa ma túy Heroine, C nhận gói ma túy và rời khỏi nhà T. Sau đó C đi bộ đến nghĩa trang thôn T, xã N, thành phố H sử dụng, khi vừa sử dụng xong thì bị Cơ quan Công an thành phố H phát hiện và lập biên bản.

Lời khai của Lộc Văn T1: Từ năm 2021 đến ngày 24/3/2023, T1 thường ở nhà bị cáo và làm thuê cho bị cáo T, khi có việc thì làm, không có việc T1 ăn, nghỉ luôn tại nhà T được trả công theo việc, giữa T và T1 không có mâu thuẫn, không có quan hệ huyết thống. T1 và C là bạn chơi với nhau từ trước, không mâu thuẫn gì, T1 quen biết N từ tháng 12/2022. T1 là người nghiện ma túy và thừa nhận đã nhiều lần mua ma túy của T để sử dụng, lần mua gần nhất là tối 23/3/2023 mua 200.000 đồng ma túy Heroine của T và đi ra phía sau nhà T sử dụng. T1 khai đã chứng kiến việc T bán ma túy như sau: Tối ngày 23/3/2023, T1 ngủ lại trên chiếc giường trong gian bếp nhà bị cáo T, đến sáng hôm sau khoảng 9 giờ 30 phút ngày 24/3/2023 khi ngủ dậy gặp T tại bếp, T nói với T1 "C vừa mua 500.000 đồng không rủ mày à?", T1 hiểu ý T nói là C vừa mua ma túy của T số lượng 500.000 đồng, T1 trả lời "Không thấy nó gọi em". Sau đó T1 đi sang nhà H2 (anh trai T) ở sát nhà T để chơi, T1 ngồi ở bậc cửa nhà H2 đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì thấy N (không biết họ chỉ biết N nhà ở huyện Q) đi xe máy một mình đến dựng trước cửa nhà T, lúc này T đi từ trong nhà ra gặp N ở cổng. T1 nhìn thấy N đưa tiền cho T nhưng không biết chính xác là bao nhiêu, T cầm tiền đồng thời T lấy trong túi quần bên trái ra đưa cho N một vật (đoán là ma túy heroine), sau đó T đi vào nhà N lên xe máy đi, khoảng hơn một giờ sau thì thấy Công an đến khám xét nhà T.

Lời khai của Nguyễn Văn C1: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 24/3/2023, C1 gọi điện thoại cho Vàng Thị V (tên thường gọi là N, sinh năm 1995; HKTT: Thôn T, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang) với mục đích rủ V (N) cùng góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng (Cấp và Vinh quen nhau từ trước và V cùng nghiện ma túy nên cả hai đã nhiều lần góp tiền mua ma túy Heroine sử dụng chung). V (N) đồng ý và sử dụng điện thoại đi động có số thuê bao 0363938549 để gọi điện đến số thuê bao 0347994338 của T hỏi mua ma túy được T đồng ý bán, V (N) thông báo lại cho C1, sau đó C1 đến đón V (N) rồi cùng đi lên nhà T để mua ma túy về cùng sử dụng. Trên đường đi V (N) tiếp tục gọi điện cho T thông báo đang lên gần đến nhà T, C đưa cho V (N) 300.000 đồng gồm một tờ mệnh giá 100.000 đồng và một tờ mệnh giá

200.000 đồng để V (N) trả tiền mua ma túy. Khi V (N) và C1 đi vào ngõ 91, thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang cách nhà T 71,60m thì C1 xuống xe để V (N) một mình điều khiển xe mô tô của C1 đi đến nhà T, khi V (N) bắt đầu đi thì C1 đi bộ theo hướng V (N) đi, V (N) dừng lại ở cửa nhà T thì C1 đứng cách cổng nhà T 21m, V (N) đi đến cổng nhà T thì dừng xe còn T cùng lúc này cũng đi ra đến cửa nhà, V (N) đi đến cửa cổng thì T đi ra đến nơi V (N) dùng tay phải đưa cho T 300.000 đồng, T dùng tay phải nhận tiền sau đó T dùng tay trái lấy 01 gói ma túy trong túi quần bên trái T đang mặc đưa cho V (N), V (N) dùng tay phải nhận gói ma túy, sau đó T đi vào nhà còn V (N) lên xe quay về chỗ C cả hai người đi đến khu vực tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, khi vừa sử dụng xong hết số ma túy thì bị Cơ quan Công an phát hiện lập biên bản. Tại thời điểm T và V (N) mua bán ma túy ngoài C chứng kiến còn có T đang ngồi chơi một mình trước cửa nhà H2, cách vị trí T và Vinh (N) mua bán ma túy 5,90m cũng chứng kiến việc mua bán ma túy giữa V (N) và T.

Lời khai của Vàng Thị V (N): V (N) là nghiện ma túy từ năm 2018 đến nay. V (N) quen biết T được hơn một năm là bạn bè xã hội, không có mâu thuẫn gì, khi chơi cùng nên biết T bán ma túy nên đã nhiều lần mua ma túy của T hộ bạn bè và bản thân sử dụng, mỗi lần mua từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/3/2023 V (N) đang ở phòng trọ thì thấy C1 gọi điện thoại rủ đi mua ma túy Heroine cùng, V (N) đồng ý sau đó sử dụng số điện thoại thuê bao 0363.938.549 gọi vào số thuê bao của T 0347.994.338 để hỏi mua ma túy. T đồng ý bán ma túy nên V (N) đã gọi điện cho C đến đón V (N). Sau đó C và V (N) đi xe máy đến nhà T mục đích mua ma túy, khi đến gần nhà T, V (N) gọi điện cho T báo sắp đến nơi, lúc này C đưa cho V (N) 300.000 đồng (01 tờ loại mệnh giá 100.000 đồng, 01 loại mệnh giá 200.000 đồng). Khi đi vào ngõ 91, thôn S, xã N, thành phố H cách nhà T khoảng 70m thì C1 xuống xe và V (N) tự đi một mình đến cổng nhà T. Khi V (N) đến cổng nhà T thì T cũng đi từ trong nhà ra chỗ V (N) đứng, lúc đó V (N) quan sát nhìn thấy T1 (người làm thuê cho T) ngồi ở bậc thềm nhà bên cạnh sát đó. Khi T đến V (N) cầm 300.000 đồng bằng tay phải đưa tiền cho T, T dùng tay phải cầm tiền và tay trái lấy ở trong túi quần bên trái ra 1 gói ma túy heroine ra đưa cho V (N). Nhận ma túy xong V (N) quay ra chỗ C1 cả hai đi về tổ 01, phường T, thành phố H để sử dụng ma túy, khi vừa sử dụng xong thì bị Công an phát hiện mời về làm việc.

Đến 12 giờ 30 phút ngày 24/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quang T tại thôn S, xã N, thành phố H. Quá trình khám xét T đã tự nguyện giao nộp 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa ma túy Heroine, có khối lượng là 0,135 gam và thu giữ tại ngăn thứ nhất bàn trang điểm phía cuối giường trong buồng ngủ của T 01 hộp hình tròn, màu đỏ dạng hộp đựng nhãn bên trong có một túi nilon màu xanh bên trong là Heroine, có khối lượng là 1,765 gam và các đồ vật tài liệu khác có liên quan. Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã tiến hành lập biên bản và đưa Trần Quang T về trụ sở Cơ quan để làm việc theo quy định.

Cùng ngày 24/3/2023, sau khi chứng kiến việc Trần Quang T bị Công an thành phố H tiến hành khám xét nơi ở và tạm giữ hình sự, Lộc Xuân T1 đã đến

trụ sở Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, trình báo và nộp Đơn tố giác tội phạm về việc đã được nghe và được nhìn thấy Trần Quang T có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy cho Lý Đức C và Vàng Thị V (N) ngày 24/3/2023.

Ngày 24/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang tiến hành cân tịnh xác định: Tổng khối lượng của tang vật nghi là chất ma túy Heroine đã phát hiện thu giữ khi khám xét chỗ ở của Trần Quang T là 1,900 gam, đồng thời gửi giám định đối với số tang vật nêu trên (*được ký hiệu A1, A2*).

Tại bản kết luận giám định số: 111/KL-KTHS, ngày 29/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A2 đều là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 1,900 gam.

Ngày 24/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang đã phối hợp với Trạm y tế phường T, thành phố H tiến hành Test ma túy đối với Vàng Thị V, Lý Đức C, Nguyễn Văn C1, Trần Quang T và Lộc Xuân T1. Kết quả: Tại thời điểm Test ma túy Vàng Thị Vinh, Lý Đức C, Nguyễn Văn C1, Trần Quang T và Lộc Xuân T1 đều dương tính với ma túy nhóm MOP.

Ngày 01/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H Quyết định trưng cầu giám định số tiền 6.000.000 đồng, gồm 32 tờ tiền Việt Nam đồng có nhiều mệnh giá khác nhau thu giữ tại nhà Trần Quang T.

Tại bản kết luận giám định số: 123/KL-KTHS, ngày 07/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: 32 tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Quang T không thừa nhận mình đã bán ma túy cho C và V (N) vào ngày 24/3/2023 mà chỉ thừa nhận do quen biết nên đã đưa ma túy cho C và V (N) và đã nhận 500.000 đồng của C để lại trên mặt bếp ga, không nhận của V (N) 300.000 đồng; đối với số ma túy Heroine thu giữ tại nhà T có khối lượng 1,900 gam bị cáo T thừa nhận là của bị cáo và mục đích tàng trữ là để sử dụng. T cũng thừa nhận rằng không có mâu thuẫn hay nợ nần gì với C, V (N), T1 và cũng chưa lần nào bán hay cho ma túy Heroine cho những người này, ngoài lần đưa ma túy Heroine cho C và V (N) vào ngày 24/3/2023.

Ngày 26/5/2023 Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra theo lời khai của C1, C, T1 để kiểm tra lại các tình tiết có ý nghĩa của vụ án thấy rằng, lời khai của các đối tượng hoàn toàn phù hợp với nhau về hành vi, thời gian, địa điểm bán ma túy của Trần Quang T.

Ngày 07/6/2023 Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa bị cáo T với C: Bị cáo không thừa nhận hành vi bán ma túy cho C, mà thừa nhận chỉ đưa cho C ma túy. Sau đó bị cáo thấy có số tiền 500.000 đồng trên bếp ga và cầm tiền cất trong phòng ngủ. Ngoài lần giao ma túy cho C ngày 24/3/2023, bị cáo T chưa trao đổi, cho tặng hay mua bán ma túy với C thêm lần nào nữa. Còn C khẳng định đã trực tiếp đưa cho T số tiền 500.000 đồng, sau đó T cầm tiền và đi vào trong buồng ngủ và lấy ma túy ra giao cho C.

Ngày 13/6/2023 Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa bị cáo T với T1: Bị cáo không thừa nhận ngày 24/3/2023 đã gặp và trao đổi chuyện gì với T1, chưa bán ma túy cho T1 lần nào và có đưa ma túy cho V (N) tại phòng khách nhà T. Còn T1 khẳng định khi tiếp ngủ dậy thì T nói với T1 "C mua đồ không gọi mày chơi à?", T1 khẳng định đã nhiều lần mua ma túy của T tại nhà của T, T1 trực tiếp nhìn thấy V (N) đưa tiền cho T, sau đó T đưa ma túy cho V (N) tại cổng nhà T.

Tại Bản án số 24/2023/HS-ST ngày 11/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang T 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 24/3/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2023, bị cáo Trần Quang T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 09 năm tù là cao, bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có điều kiện hoà nhập cộng đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Trần Quang T, cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có ý kiến phát biểu quan điểm vụ án như sau:

Về tội danh: Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử bị cáo Trần Quang T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; mức hình phạt 09 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Về nội dung kháng cáo: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ; mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Trong lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được hoà nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Quang T đã thừa nhận, ngày 23/3/2023 bị cáo đi đến xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy Heroine của một người không biết tên mang về mục đích để sử dụng và bán cho các con nghiện ma túy. Khoảng 09 giờ 30 phút đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/03/2023, tại thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép ma túy Heroine, thu lợi số tiền 800.000 đồng, cụ thể lần 1: bán 01 gói ma túy Heroine cho Lý Đức C với số tiền 500.000 đồng; lần 2: bán 01 gói ma túy Heroine cho Vàng Thị V (N) với số tiền 300.000 đồng. Khi khám xét nơi ở của bị cáo Trần Quang T Công an thành phố Hà Giang còn thu giữ được 1,900 gam ma túy heroine, mục đích tàng trữ để bị cáo sử dụng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Quang T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo Trần Quang T là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ, cất giấu dao nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà lại có hành vi phạm tội mới. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, án sơ thẩm căn cứ tính nguy hiểm của loại tội phạm, nhân thân bị cáo và xử phạt bị cáo 09 năm tù là phù hợp và đúng căn cứ quy định của pháp luật. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đưa ra căn cứ có bố mẹ để là người có công, tham gia dân công hỏa tuyến; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đã được hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đầy đủ, cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quang T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Quang T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Trần Quang T 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 24/3/2023.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố H;
- Cơ quan THA.HS Công an thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thân Quốc Hùng